

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.

Với thời gian công tác tại trường Tiểu học Khánh Thượng, qua thực tế giảng dạy tôi nhận thấy thì do khối lượng bài tập nhiều mà thời gian một tiết học chỉ có 35 phút nên học sinh nhận thức chưa nhanh hoặc sức học chưa được vững không làm hết bài tập. Những em có lực học tốt thì làm bài rất nhanh, thừa thời gian do đó giáo viên thường phải nghĩ thêm một số bài nâng cao để cho các em luyện thêm.

Mặt khác, do nhận thức của một số em chậm, khả năng ghi nhớ của các em có nhiều hạn chế nên các em hay chán nản, không muốn tham gia vào quá trình học tập. Vậy làm thế nào để giúp tất cả các em học Toán tốt đặc biệt là thành thạo kỹ năng thực hiện phép nhân? Đó là một câu hỏi khiến tôi có nhiều trăn trở. Chính vì vậy tôi quyết định chọn sáng kiến ***“Một số biện pháp phát triển năng lực thực hành phép tính nhân cho học sinh lớp 3”*** trước hết là giúp nâng cao chất lượng tính nhân cho lớp tôi phụ trách. Sau đó, mục tiêu quan trọng hơn là góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Toán nói chung.

2. Mục tiêu sáng kiến.

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng một số vấn đề lý luận và thực tiễn, thực trạng việc dạy của giáo viên và việc học của học sinh môn Toán lớp 3 ở trường tiểu học hiện nay, đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy Toán phần phép nhân trong chương trình môn Toán lớp 3, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học Toán ở trường tiểu học Khánh Thượng hiện nay.

3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu:

Thời gian: Từ tháng 9/2023 đến tháng 5/ 2024

Đối tượng : 37 học sinh lớp 3E trường Tiểu học Khánh Thượng

Phạm vi nghiên cứu:

Phát triển năng lực thực hành tính nhân cho học sinh lớp 3E trường Tiểu học Khánh Thượng năm học 2023 - 2024.

Cách thức dạy, học theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học thông qua dạy học phép nhân - môn Toán lớp 3 trường tiểu học Khánh Thượng

II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Hiện trạng vấn đề

Hiện nay khi giảng dạy môn toán trong tiểu học. Đặc biệt dạy học phép nhân thường áp dụng các phương pháp truyền thống như: trực quan, giảng giải, minh họa, luyện tập thực hành, gợi mở vấn đáp. Trong đó để hình thành khái niệm phép nhân lập các bảng nhân thì phương pháp trực quan, giảng giải, minh họa (nhất là giai đoạn đầu) đóng vai trò chủ yếu.

1.1 Ưu điểm

Đa số học sinh có ý thức học, các em được cha mẹ quan tâm cùng học bảng nhân và kết hợp với giáo viên cùng kiểm tra bảng nhân của con mình.

Công nghệ thông tin phát triển, sách và tài liệu tham khảo phong phú hơn cũng giúp các em được làm quen nhiều hơn với nhiều dạng bài mới và thực hành nhiều hơn.

Bản thân giáo viên tích lũy được một số kinh nghiệm qua thời gian dạy học khối 3.

Bản thân tôi cũng biết ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học nên việc đưa vào bài học những hình ảnh trực quan giúp học sinh dễ hình thành kiến thức. Bên cạnh đó việc áp dụng công nghệ thông tin, tạo một số trò chơi sinh động giúp học sinh hứng thú hơn trong học tập.

1.2 Nhược điểm

Một số em còn nhầm lẫn giữa phép cộng và phép tính nhân.

Một số em chưa thuộc bảng nhân hoặc còn thuộc vẹt. Mỗi khi thực hiện phép nhân, mỗi lượt nhân các em lại phải đọc lại từ đầu bảng nhân đó để tìm kết quả của mỗi lượt nhân nên rất mất thời gian. Đôi khi còn nhầm lẫn giữa bảng nhân này với bảng nhân kia.

Có những em đã biết cách thực hiện phép tính nhân, tuy nhiên trong quá trình đặt tính các em còn đặt tính sai, hoặc lượt nhân này có nhớ nhưng lại quên không nhớ sang lượt nhân sau, dẫn đến kết quả sai.

1.3 Kết quả khảo sát

Kết quả kiểm tra khả năng học Toán của học sinh khi chưa áp dụng các biện pháp đối với phép nhân:

Sĩ số lớp 3E	Học tốt phép nhân		Học phép nhân ở mức hoàn thành		Chưa biết làm phép tính nhân	
	Số lượng	Tỉ số %	Số lượng	Tỉ số %	Số lượng	Tỉ số %
37	6	16,2	22	59,5	9	24,3

Qua kết quả khảo sát trên tôi thấy tỉ lệ học sinh chưa biết thực hành phép tính nhân còn cao, học sinh biết làm phép tính nhân ở mức hoàn thành tuy nhiên không ổn định, vẫn hay nhầm lẫn. Số học sinh thực hiện nhanh, thành thạo phép tính nhân còn ít.

1.4. Nguyên nhân :

Qua tìm hiểu, tôi nhận thấy thực trạng trên bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Một là, các em chưa có động cơ học tập đúng đắn
- Hai là, giáo viên chưa linh hoạt khi vận dụng các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trong các tiết học toán.
- Ba là, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của giáo viên chưa đạt được hiệu quả mong muốn.
- Bốn là, giáo viên chưa thực sự sáng tạo trong việc động viên, khích lệ học sinh.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Giúp học sinh hiểu rõ bản chất của phép tính nhân và cách thực hiện phép tính nhân:

- Phép nhân được xây dựng trên cơ sở phép cộng các số hạng bằng nhau.
- Phép nhân được tiến hành theo các vòng số.

a) Khái niệm phép nhân:

- Phép nhân hai số tự nhiên được định nghĩa như là phép cộng các số hạng bằng nhau.

Ta có:

$$a + a + a + \dots + a = a \times b \quad \text{Với } a \text{ là số hạng; } b \text{ là số các số hạng.}$$

Được viết thành $a \times b$ và trong phép nhân đó gọi số a và số b là thừa số, kết quả của phép nhân $a \times b$ gọi là tích.

Chẳng hạn: $7 + 7$ ghi là 7×2

$$7 + 7 = 7 \times 2$$

Cách viết: $7 \times 2 = 14$

Cách đọc: 7 lấy 2 lần được 14 hay: 7 nhân 2 bằng 14

Trong đó: 7 là thừa số, 2 là thừa số, 14 là tích.

b. Giới thiệu một số tính chất của phép nhân

- Tính chất giao hoán: $a \times b = b \times a$. Ví dụ: $6 \times 7 = 7 \times 6$
- Tính chất kết hợp: $(a \times b) \times c = a \times (b \times c)$

$$\text{Ví dụ: } (7 \times 5) \times 2 = 7 \times (5 \times 2) = 7 \times 10 = 70$$

- Nhân với số 1 : $a \times 1 = 1 \times a = a$

Ví dụ: $5 \times 1 = 1 \times 5 = 5$

- Nhân với số 0: $a \times 0 = 0 \times a = 0$

Ví dụ: $9 \times 0 = 0 \times 9 = 0$

c. Nhân trong bảng

Trọng tâm là xây dựng các bảng nhân từ bảng nhân 1 đến bảng nhân 10. Cách giải quyết: Dựa vào định nghĩa phép nhân là phép cộng các số hạng bằng nhau mà xây dựng được công thức nhân trong bảng. Có thể vận dụng tính chất giao hoán của phép nhân để không phải xây dựng cả 10 công thức trong mỗi bảng nhân. Chẳng hạn, ở bảng nhân 6 thì các trường hợp sau đây được coi là đã được học:

$6 \times 1 = 6$ vì $1 \times 6 = 6$ (ở bảng nhân 1)
 $6 \times 2 = 12$ vì $2 \times 6 = 12$ (ở bảng nhân 2)
 $6 \times 3 = 18$ vì $3 \times 6 = 18$ (ở bảng nhân 3)
 $6 \times 4 = 24$ vì $4 \times 6 = 24$ (ở bảng nhân 4)
 $6 \times 5 = 30$ vì $5 \times 6 = 30$ (ở bảng nhân 5)

Còn lại các trường hợp 6×6 cho đến 6×10 là những công thức mới, cần dựa vào phép cộng 6, 7, 8, 9, 10 số hạng đều là 6 để tìm kết quả mỗi phép nhân.

Cũng có thể vận dụng tính chất kết hợp của phép cộng mà tiến hành xây dựng các công thức đó. Chẳng hạn $6 \times 6 = ?$ sau khi đã học $6 \times 5 = 30$ thì có thể “cộng thêm” vào 30, khi đó có thể viết $6 \times 6 = 6 \times 5 + 6 = 36$.

Do đó $6 \times 6 = 36$. Ý nghĩa của vận dụng tính chất kết hợp của phép cộng là ở chỗ:

$$6 \times 6 = 6 + 6 + 6 + 6 + 6 + 6$$

$$= 30 + 6 = 36$$

mà $30 = 6 \times 5$ nếu có $6 \times 6 = 6 \times 5 + 6$

Trên cơ sở hình thành tương tự như thế học sinh có thể tự hình thành các bảng nhân một cách tư duy hơn, có thể không cần dựa vào giáo cụ trực quan nữa.

Sau đó, giáo viên tổ chức cho học sinh học thuộc các bảng nhân bằng cách cho các em đọc đi, đọc lại nhiều lần. Tái hiện các phép tính nhiều lần bằng cách cho học sinh thường xuyên thực hành cá nhân các phép tính nhân, giáo viên theo dõi, kiểm tra liên tục. Tổ chức cho học sinh tự kiểm tra lẫn nhau việc ghi nhớ bảng nhân. Đây là việc làm cần thiết vì học sinh nhớ được bảng nhân thì mới có đủ cơ sở thực hiện phép tính nhân ngoài bảng.

d. Nhân ngoài bảng: Trong chủ đề có các nội dung sau đây:

- Nhân một số với một tổng. Nhân một số với một số.
- Phép nhân có thừa số tròn chục.
- Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số.

- Nhân số có một chữ số với số có hai chữ số.

Trong quá trình hình thành kiến thức mới về các phép nhân ngoài bảng, sau khi thực hiện mẫu giảng giải - hỏi đáp, giáo viên cho học sinh nhắc lại về các bước thực hiện tính và thứ tự thực hiện phép tính. Từ đó học sinh tự rút ra kiến thức mới của bài.

Về nhân số có hai chữ số với số có một chữ số.

+ Cơ sở lý luận: Nhân một tổng với một số:

$$34 \times 2 = (30 + 4) \times 2$$

$$= 30 \times 2 + 4 \times 2$$

$$= 60 + 8$$

$$= 68$$

+ Kỹ thuật tính: Nhân từ phải sang trái

* 2 nhân 4 bằng 8, viết 8

* 2 nhân 3 bằng 6, viết 6 (bên trái số 8)

$$\begin{array}{r} \times 34 \\ 2 \\ \hline 68 \end{array}$$

* 4 nhân 3 bằng 12, viết 2 nhớ 1

* 4 nhân 2 bằng 8, thêm 1 bằng 9 (viết bên trái số 2)

$$\begin{array}{r} \times 23 \\ 4 \\ \hline 92 \end{array}$$

Sau khi hướng dẫn kỹ thuật tính tôi hỏi ngược lại học sinh: Vì sao kết quả của lượt nhân thứ 2, chữ số 9 không viết bên phải chữ số 2 mà lại viết bên trái chữ số 2? (Học sinh trả lời: Vì lượt nhân thứ hai: 4 nhân 2 thì chữ số 2 trong số 23 là chữ số hàng chục, lượt nhân thứ hai nhân với chữ số hàng chục nên kết quả cũng viết thẳng với hàng chục). Khi học sinh trả lời được có nghĩa là học sinh đã hiểu rõ bản chất của vấn đề, tương tự như thế ở phép nhân số có ba chữ số, số có bốn, năm chữ số nhân với số có một chữ số học sinh sẽ dễ dàng thực hiện được.

Về phép nhân số có một chữ số với số có hai chữ số. Nhờ tính chất giao hoán của phép nhân mà đưa về trường hợp nhân số có hai chữ số với số có một chữ số.

$$\text{Chẳng hạn: } 2 \times 34 = 34 \times 2$$

- Nhân số 3, 4, 5 chữ số với số có một chữ số tiến hành tương tự như nhân số có hai chữ số với số có một chữ số.

Mẫu 1: Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ)

Giáo viên viết

$$\begin{array}{r} \times 12 \\ 3 \\ \hline 36 \end{array}$$

Giáo viên nói

* 3 nhân 2 bằng 6, viết 6

* 3 nhân 1 bằng 3, viết 3 (bên trái số 6)

Mẫu 2:**Giáo viên viết**

$$\begin{array}{r} \times 26 \\ 3 \\ \hline 78 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 54 \\ 6 \\ \hline 324 \end{array}$$

Giáo viên nói

* 3 nhân 6 bằng 18, viết 8 , nhớ 1

* 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7 (bên trái số 8)

* 6 nhân 4 bằng 24, viết 4 nhớ 2

* 6 nhân 5 bằng 30, thêm 2 bằng 32, viết 32(bên trái số 4)

Ví dụ 1: Đặt tính rồi tính:

$$\begin{array}{r} \times 38 \\ 3 \\ \hline 114 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 11 \\ 6 \\ \hline 66 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 42 \\ 2 \\ \hline 84 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 13 \\ 3 \\ \hline 39 \end{array}$$

Ví dụ 2:

$$\begin{array}{r} \times 41 \\ 2 \\ \hline 82 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 32 \\ 3 \\ \hline 96 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 11 \\ 6 \\ \hline 66 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 20 \\ 4 \\ \hline 80 \end{array}$$

Ví dụ 3: Nhân số có ba chữ số với số có một chữ số

$$\begin{array}{r} \times 431 \\ 2 \\ \hline 862 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 213 \\ 3 \\ \hline 639 \end{array}$$

Với các bài tập này, khi thực hiện đại đa số học sinh đều có kết quả đúng. Nhưng có một số học sinh thực hiện đặt tính sai hoặc thực hiện tính sai thứ tự, nếu chúng ta không chú ý điều chỉnh thì “ vô hình chung” tạo lỗ hổng kỹ năng cho học sinh mà về sau khó sửa được.

Khắc phục lỗi này, tôi đã thường xuyên cho học sinh thực hành trên bảng con để giáo viên dễ dàng quan sát và kiểm soát được bài làm của học sinh. Đồng thời yêu cầu học sinh trình bày lại cách đặt tính, thực hiện phép nhân theo thứ tự, cách viết kết quả cho bạn mình nghe theo nhóm đôi hoặc trình bày cách làm của mình trước lớp.



(Học sinh thực hành trên bảng con, bảng lớp)



(Học sinh trình bày lại bài làm của mình)

2.2. Tổ chức phong trào “đôi bạn cùng tiến” để học sinh thi đua và giúp đỡ nhau trong học tập.

Sau khi khảo sát và nắm được năng lực của từng học sinh tôi tổ chức phong trào “đôi bạn cùng tiến” để các em học tốt xung phong chọn cặp và kèm bạn học chưa tốt. Ví dụ trong giờ ra chơi hoặc đầu giờ cùng bạn đó ôn lại bảng nhân, bảng chia hoặc cùng bạn thực hiện một hoặc vài phép tính nhân. Sau mỗi tuần các em sẽ được thi để tìm ra bạn tiến bộ hơn trong học tập và nhận được khen thưởng từ lớp. Phần thưởng có thể là tuyên dương trong giờ chào cờ đầu tuần hoặc khen ngợi của cả lớp cũng có thể là vài phần thưởng nhỏ do giáo viên chuẩn bị như chiếc bút, gọt bút chì có hình ngộ nghĩnh hoặc cục tẩy,...

Phong trào “Đôi bạn cùng tiến” luôn được tôi duy trì trong nhiều năm học qua và phát huy hiệu quả. Mô hình đã tạo điều kiện để học sinh có năng lực học tốt gần gũi, giúp đỡ các em học sinh học chưa tốt siêng năng học tập, làm

bài xây dựng niềm tin vào bản thân. Nhờ có sự giao lưu học tập, các em có năng lực học chưa tốt sẽ học hỏi bạn mình những điều hay, tích cực hơn trong học tập. Phong trào này đã góp phần phát huy năng lực học toán của các em rất nhiều. Các em đã thực hành phép nhân thành thạo hơn, phần chưa hiểu có thể hỏi bạn luôn. Với cách hướng dẫn gần gũi lời giải ngây thơ của cùng học trò các em có thêm kinh nghiệm trong học tập.



(Học sinh thảo luận nhóm đôi, hướng dẫn bạn cùng làm bài)

Phong trào “Đôi bạn cùng tiến” đã tạo nhiều chuyển biến tích cực, đẩy mạnh phong trào học tập trong lớp. Đồng thời, góp phần thực hiện hiệu quả phong trào “Xây dựng lớp học thân thiện, học sinh tích cực”, giúp các em thêm tin yêu và gắn bó với trường lớp thân yêu.

2.3. Lồng ghép một số trò chơi học tập giúp học sinh thực hiện tốt phép nhân.

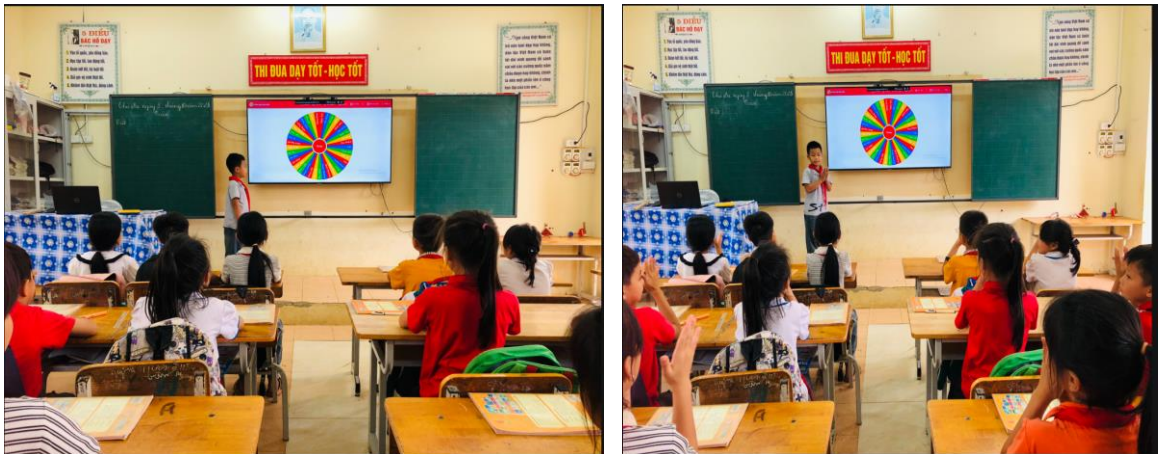
Tổ chức trò chơi trong dạy học toán ở tiểu học nói chung và ở lớp 3 nói riêng là một phương pháp dạy học sáng tạo và thu hút được sự chú ý của học sinh cao nhất. Thông qua phương pháp này, giáo viên sẽ phát huy được nhiều yếu tố cho các em như khơi dậy sự tập trung và phát huy tinh thần chăm chỉ, hứng thú trong giờ học. Nhất là môn toán, khi các em thường mất tập trung chú ý thì trò chơi học tập được xem như một cách để giáo viên thu hút các em, lấy lại tinh thần tập trung chăm chỉ học bài cho các em.

Nắm bắt được điều đó nên trong khi dạy học môn Toán các dạng toán nhân thường các em hay nhầm lẫn nên mất tập trung, nhanh chán, do đó tôi đã lồng ghép một số trò chơi nhằm phát huy tính tự giác tích cực cho các em để các em thực hiện tốt phép nhân, chia trong học tập. Mỗi loại trò chơi đều có một đặc điểm chơi khác nhau, tuy nhiên tất cả trò chơi tôi áp dụng đều phù hợp lứa tuổi và thu hút được các em, làm cho các em tập trung học bài hơn và hứng thú hơn trong mỗi giờ học từ đó các em tiếp thu bài một cách nghiêm túc và hiệu quả hơn.

Ví dụ: * Trò chơi “Vòng quay kì diệu”:



Trò chơi “**Vòng quay kì diệu**” được được lồng ghép vào đầu buổi học ở phần khởi động nhằm tạo không khí vui vẻ, sôi động khi bước vào giờ học Toán để các em tiếp tục tập trung để học bài theo hướng dẫn của giáo viên.



(Phần khởi động lớp 3E bài Bảng nhân 8)

Khi dạy bài: “Bảng nhân 8” (Toán 3, sách giáo khoa kết nối tri thức với cuộc sống trang 19). Để khởi động bài học và phát huy tinh thần tập trung đồng thời kiểm tra kiến thức các em đã học ở bài trước. Tôi tạo trò chơi “**Vòng quay kì diệu**”. Cách chơi là bạn điều hành sẽ quay tên trúng học sinh nào học sinh đó sẽ trả lời câu hỏi. Học sinh tính và nêu kết quả. Nếu trả lời đúng thì được lớp tuyên dương. Nếu học sinh nào trả lời sai thì sẽ mời em khác trả lời thay. Cứ như thế sẽ có 4 em chơi đến khi cả 4 câu hỏi trên được chọn.

Các câu hỏi gồm: $3 \times 5 = \dots$; $3 \times 7 = \dots$;

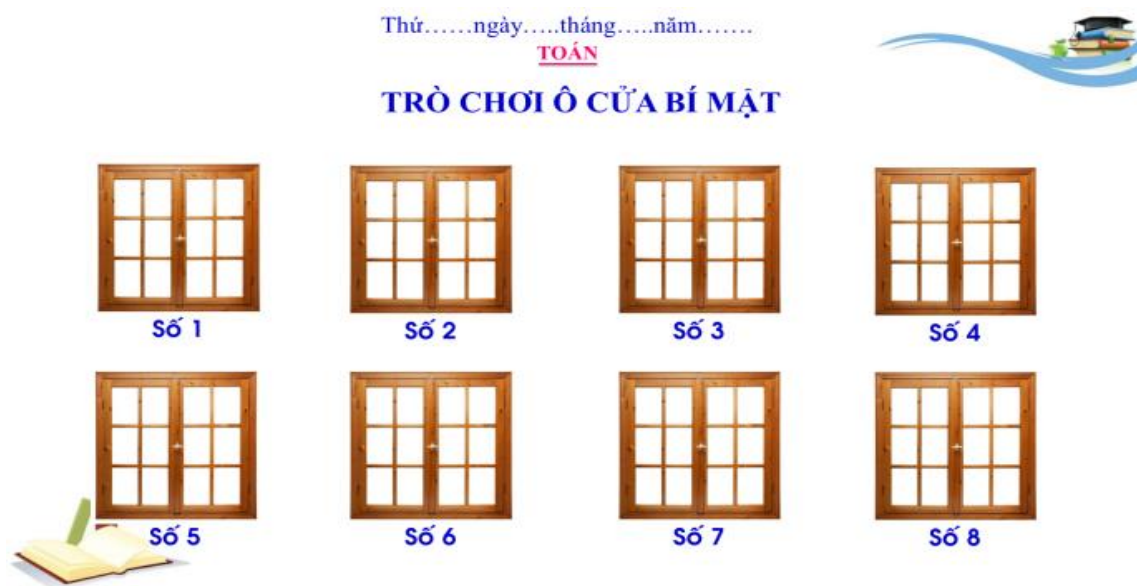
$3 \times 8 = \dots$; $3 \times 9 = \dots$;

Với những học sinh trả lời chưa đúng sẽ được thưởng bằng một trò chơi khác ví dụ nhảy lò cò hoặc vừa múa vừa hát bài “Một con vịt”..... Như vậy học sinh được ôn lại kiến thức nhưng lại không gây áp lực cho học sinh, phần khởi động giúp tạo hứng thú cho các em.

Ví dụ 2: * Trò chơi “Ô cửa bí mật”:

Tương tự như các trò chơi trên tôi sử dụng nhiều trò chơi khác nhau để tạo hứng thú cho các em, tránh chơi trùng lặp thì học sinh sẽ nhanh chán. Trò chơi “Ô cửa bí mật” cũng như thế. Trò chơi này còn tạo thêm tiếng cười sảng khoái cho các em để gây thêm hứng thú học tập, tránh buồn ngủ trong giờ học.

Ví dụ : Bài 23. Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (sách giáo khoa trang 87)



2.4. Tăng cường mô hình hoá Toán học để giúp học sinh giúp học sinh học tốt phép nhân.

Giáo viên có thể sử dụng mô hình hoá để tạo ra các tình huống gợi vấn đề trong quá trình dạy toán, qua đó học sinh sẽ thấy được mối quan hệ giữa thực tiễn với các vấn đề trong sách giáo khoa dưới góc nhìn của toán học. Học sinh sẽ được yêu cầu khám phá tri thức thông qua môn Toán hoặc các tình huống thực tế để hiểu tình huống thực tế đã cho. Với tri thức toán học, giáo viên có thể sử dụng mô hình để giải thích và giúp học sinh hiểu về các hiện tượng trong thực tế. Mô hình thực tiễn là việc đưa ngôn ngữ toán học thành mô hình toán học từ tình huống ban đầu. Các mô hình toán học cụ thể như hình vẽ, công thức toán học. Với mỗi vấn đề đang tìm hiểu, có thể có nhiều mô hình toán học khác nhau.

Thông qua mô hình HS sẽ được phát triển các ý tưởng toán học, khám phá tình huống và thiết lập được mục tiêu của bài.

Ví dụ : khi dạy bài : **“Bảng nhân 3”** (Toán 3, sách giáo khoa trang 16), khi cho các em làm bài tập số 5 có đề bài như sau:

Mỗi khay có 3 chiếc bánh bao. Hỏi 6 khay như thế có tất cả bao nhiêu chiếc bánh bao?



Tương tự như trên ở những bài toán nào trong sách giáo khoa không có mô hình hoá toán học hoặc mô hình bằng tranh vẽ thì tôi sử dụng mô hình hoá thiết thực với thực tế đời sống hơn để các em liên tưởng và suy luận để tìm ra cách giải bài toán nhanh và chính xác nhất.

2.5. Phát huy tính tích cực, tự giác của học sinh trong học phép nhân qua phương pháp nêu gương

Ví dụ: Khi học xong một bài: bảng nhân 7. Tôi luôn kiểm tra khả năng học thuộc bảng nhân 7 của các em vào đầu giờ học và có những hình thức động viên như tuyên dương, khen thưởng trước lớp để các em tăng cường tính tự giác, chăm chỉ và cố gắng học thuộc các bảng nhân hoặc các dạng toán nhân khác.

Về hình thức tuyên dương tôi thường chia thành hai thể loại:

Thứ nhất: Tuyên dương những em làm đúng và nhanh, đề nghị các bạn khác trong lớp noi gương bạn.

Thứ hai: Những em nhanh nhẹn nhưng kết quả chưa đúng thì tôi vẫn khen: “Em đã có nhiều cố gắng trong làm bài, cô khen em trước lớp về tinh thần chăm chỉ. Tuy nhiên bài của em làm chưa đạt được yêu cầu, còn sai một số điểm, nhưng cô tin em sẽ khắc phục và vươn lên học tốt như các bạn khác trong

lớp,...”. Với cách thể hiện này tôi đã tạo cho các em một nền nếp học tập: “Thắng không kiêu, bại không nản”.

2.6. Khen ngợi, động viên học sinh

*** Khuyến khích bằng tinh thần**

Học sinh Tiểu học tâm lý chung là thích được khen. Vì vậy trong quá trình dạy học tôi luôn khen ngợi các bạn tiến bộ bằng nhiều hình thức khác nhau như bằng hành động “đập tay” với học sinh khi em làm bài đúng, hay khen bằng lời nói, hoặc viết nhận xét hay chuẩn bị sẵn các phiếu khen. Khi học sinh có tiến bộ trong thực hiện phép tính nhân, chia GV sẽ viết nhận xét vào và trao cho các em. Không chỉ khen những bạn có lực học tốt, đối với những học sinh chậm tiến tôi càng phải động viên, khích lệ các em nhiều hơn, để các em có niềm tin vào khả năng của bản thân, không nhút nhát, tự ti.



(Các em hào hứng khi thực hiện đúng phép tính và được khen ngợi)

*** Khuyến khích bằng vật chất**

Giáo viên có thể sử dụng những món quà bằng vật chất có giá trị nhỏ như chiếc bút, quyển vở,... Tích hoa, stike đổi đồ để mua những phần quà của cô ... để làm phần thưởng cho các em học sinh có tiến bộ trong quá trình học tập.

Khen ngợi, động viên học sinh giúp giáo viên gần gũi với học sinh hơn, học sinh không còn sợ làm sai, sợ hỏi cô giáo. Từ đó giáo viên sẽ biết được những khó khăn mà học sinh đang gặp phải từ đó nâng cao hiệu quả thực hiện phép tính nhân, chia.



3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị

Qua thời gian khảo nghiệm tại lớp 3E, tôi đã nhận thấy các em có nhiều sự thay đổi đáng mừng. Tôi nhận thấy có sự thay đổi rõ rệt về tinh thần, thái độ học tập của các em. Đa số các em đã tích cực hẳn lên trong mỗi tiết học toán, tích cực tham gia chơi và làm bài tập đầy đủ. Vì thế mà chất lượng môn Toán cũng tăng lên rõ rệt. Đây là một tín hiệu vui cho tôi vì đề tài có tính khả thi. Tôi tiếp tục áp dụng và thay đổi các trò chơi mới lại hơn, các phương pháp dạy học tích cực hơn để cuối năm chất lượng môn Toán đạt yêu cầu kế hoạch giáo dục đã đề ra.

Tôi đã nghiên cứu và áp dụng biện pháp trên tại lớp 3E trường tiểu học Khánh Thượng, tôi đã tiến hành khảo sát vào cuối năm học và thu được kết quả như sau:

Số số	Thời gian	Học tốt phép nhân		Học phép nhân ở mức hoàn thành		Chưa thực hiện được phép nhân	
		Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%	Số lượng	Tỉ lệ%
37	Đầu năm	6	16,2	22	59,5	9	24,3
37	Cuối năm	20	54	17	46	0	0

Với kết quả trên cũng thấy được sau khi áp dụng biện pháp phát triển năng lực thực hành tính nhân cho học sinh ta thấy học sinh có tiến bộ vượt bậc, các em thực hành thành thạo các phép tính nhân, ít nhầm lẫn. 100% học sinh của lớp 3^E đã biết thực hành phép tính nhân. Số lượng học sinh thực hiện thành thạo và linh hoạt phép tính nhân nâng cao vượt bậc.

4. Hiệu quả của sáng kiến

4.1. Hiệu quả về khoa học:

Các biện pháp đưa ra trong sáng kiến mang tính sáng tạo, khoa học, mới mẻ và phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường và phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

mới được kết hợp với phương tiện dạy học hiện đại sẽ tạo ra những giờ học thú vị, bổ ích và hiệu quả.

4.2. Hiệu quả về kinh tế:

Sử dụng biện pháp này khi dạy toán tại lớp 3E, học sinh rất hứng thú trong học tập. Các em rất chủ động, tích cực khám phá kiến thức mới. Hơn thế nữa, khi sử dụng biện pháp này, không khí lớp học diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng, kiến thức được tiếp nhận dễ dàng, các em ghi nhớ lâu hơn, không còn lúng túng như trước nữa.

4.3. Hiệu quả về xã hội

Dựa vào hiệu quả và lợi ích thu được từ biện pháp đưa vào giảng dạy và được áp dụng dạy thực nghiệm tại lớp 3E trường Tiểu học Khánh Thượng. Tôi thấy rằng rèn kỹ năng thực hành tính nhân đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quyết định chất lượng học tập môn Toán của các em học sinh của một lớp hay một khối lớp.

5. Tính khả thi

Như vậy, có thể thấy giải pháp tôi đưa ra là có hiệu quả và cũng được nhà trường ghi nhận và đánh giá cao. Biện pháp này có thể áp dụng cho toàn khối 3 của trường Tiểu học Khánh Thượng và có thể áp dụng với các khối 3 khác trong toàn huyện.

6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến:

- Tháng 9 – 2023: Lựa chọn nội dung đề tài sẽ nghiên cứu.
- Tháng 10 – 2023: Đăng kí tên đề tài với nhà trường.
- Tháng 10 – 2023 đến tháng 4 – 2024: Thực hiện các biện pháp nghiên cứu đề tài và viết đề cương.
- Tháng 5 – 2024: Hoàn thiện và nộp đề tài.

7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến.

Đề tài được nghiên cứu và thực hiện cùng với quá trình dạy học hàng ngày trên lớp nên kinh phí thực hiện đề tài không đáng kể.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Sau quá trình thực hiện đề tài, tôi có một vài kiến nghị và đề xuất sau: -
Về giáo viên

+ Tìm hiểu và hiểu rõ nguyên nhân vì sao học sinh chưa hứng thú với môn học để đưa ra những giải pháp phù hợp với đối tượng học sinh lớp mình giảng dạy.

+ Chuẩn bị kĩ bài trước khi đến lớp, nắm chắc kiến thức, kĩ năng của môn học và dự kiến được những tình huống sự phạm có thể xảy ra trong tiết toán.

+ GV phải nắm được xu hướng đổi mới của giáo dục để điều chỉnh giải pháp cho phù hợp.

+ Khi vận dụng các giải pháp cần linh hoạt, vừa sức với học sinh.

+ Động viên khen thưởng kịp thời để gây hứng thú học tập cho học sinh.

- Về nhà trường:

+ Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, các phương tiện, thiết bị dạy học cho học sinh như: máy chiếu, tranh ảnh, bộ đồ dùng học toán,..

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, tổ chức cho giáo viên đi học tập kinh nghiệm ở trường... Phòng và sở giáo dục cũng tạo điều kiện cho chúng tôi tham dự các tiết dạy và tập huấn kiến thức cho toàn bộ giáo viên lớp 1 2 3 thay sách. Giúp chúng tôi vững tin với nghề để truyền cho học sinh hứng thú học tập .

- Phụ huynh học sinh thường xuyên liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để nắm bắt tình hình học tập và các biểu hiện của các em. Ở nhà luôn giành cho con cái một khoảng thời gian nhất định mỗi ngày để nhắc nhở, giúp đỡ các em hoàn thành nhiệm vụ học tập. Luôn động viên, khích lệ các em phấn đấu để trở thành con ngoan trò giỏi. Ngoài ra cha mẹ phải là những người mẫu mực, sống có trách nhiệm và làm gương cho các em noi theo. Quan tâm đến tâm tư tình cảm của các em, thực sự hiểu và biết chia sẻ cùng các em .

Trên đây là ***“Một số biện pháp phát triển năng lực thực hành phép tính nhân cho học sinh lớp 3”*** mà tôi đã áp dụng trong năm học 2023 - 2024 để mang lại hiệu quả cao trong môn học toán cho học sinh.

Do điều kiện về không gian, thời gian cũng như kinh nghiệm của bản thân còn hạn chế nên biện pháp này tuy chưa thật hoàn thiện nhưng cũng phần nào thể hiện được tính khả thi của nó. Tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành từ Hội đồng khoa học các cấp và các bạn đồng nghiệp đóng góp ý kiến để sáng kiến của tôi được hoàn thiện hơn. Với mong muốn cùng

chung tay với đồng nghiệp để học hỏi, tiếp thu và triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Khánh Thượng, ngày 6 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI VIẾT SÁNG KIẾN

Phan Thị Phương Oanh

MỤC LỤC

A. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến.....	1
2. Mục tiêu sáng kiến.	1
3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu:.....	1
 II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN	2
1. Hiện trạng vấn đề	2
1.1 Ưu điểm.....	2
1.2 Nhược điểm	2
1.3 Kết quả khảo sát	2
1.4. Nguyên nhân :	3
2. Giải pháp thực hiện	3
2.1. Giúp học sinh hiểu rõ bản chất của phép tính nhân và cách thực hiện phép tính nhân:	3
2.2. Tổ chức phong trào “đôi bạn cùng tiến” để học sinh thi đua và giúp đỡ nhau trong học tập.....	7
2.3. Lồng ghép một số trò chơi học tập giúp học sinh thực hiện tốt phép nhân.....	8
2.4. Tăng cường mô hình hoá Toán học để giúp học sinh giúp học sinh học tốt phép nhân.	10
2.5. Phát huy tính tích cực, tự giác của học sinh trong học phép nhân qua phương pháp nêu gương.....	11
2.6. Khen ngợi, động viên học sinh.....	12
3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị.....	13
4. Hiệu quả của sáng kiến.....	13
4.1. Hiệu quả về khoa học:.....	13
4.2. Hiệu quả về kinh tế:	14
4.3. Hiệu quả về xã hội.....	14
5. Tính khả thi	14
6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến:	14
7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến.	14
III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	15